

Vĩ mô đầu tuần: Thị trường lao động Mỹ, số liệu kinh tế Việt Nam

Phạm Vũ Thăng Long
Giám Đốc Cấp Cao, Kinh Tế Vĩ Mô
long.pvthang@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4805

- Thị trường toàn cầu nhiều khả năng sẽ tập trung vào thị trường lao động Mỹ, các chỉ số hoạt động kinh tế quan trọng và mùa báo cáo KQKD Q2/2026 đang diễn ra, trong khi các diễn biến tại Trung Đông vẫn là tâm điểm trong bối cảnh căng thẳng Mỹ-Iran vẫn tiếp diễn và tác động lên giá năng lượng.
- NDT sẽ theo dõi báo cáo việc làm phi nông nghiệp tháng 7 của Mỹ với dự báo số lượng việc làm phi nông nghiệp phục hồi lên 91.000 việc làm (từ 57.000 việc làm trong tháng 6) và tỷ lệ thất nghiệp tăng nhẹ lên 4,3%. Tại châu Á, tâm điểm sẽ chuyển sang số liệu thương mại, lạm phát và chỉ số PMI của Trung Quốc, trong khi các thành viên OPEC+ sẽ thảo luận về hạn ngạch sản xuất dầu.
- Số liệu kinh tế tháng 7 của Việt Nam được dự báo nhìn chung sẽ tiếp tục ổn định, trong đó tăng trưởng thương mại tích cực và lạm phát hạ nhiệt, trong khi thị trường tài chính cải thiện khi chỉ số VNIndex phục hồi và lãi suất LNH giảm xuống mức thấp nhất kể từ tháng 3/2024.

Các sự kiện và số liệu kinh tế quan trọng trên toàn cầu

Thị trường toàn cầu sẽ tập trung vào thị trường lao động Mỹ, các chỉ số hoạt động kinh tế quan trọng và mùa báo cáo KQKD Q2/2026 đang diễn ra, trong khi Trung Đông cũng sẽ tiếp tục là tâm điểm trong bối cảnh căng thẳng Mỹ-Iran vẫn tiếp diễn và tác động đối với giá năng lượng và lạm phát.

Mỹ và khu vực Eurozone

Tại Mỹ, tâm điểm sẽ là báo cáo việc làm tháng 7, trong đó số lượng việc làm phi nông nghiệp được dự báo tăng 91.000 việc làm sau khi tăng 57.000 việc làm trong tháng 6, trong khi tỷ lệ thất nghiệp dự kiến tăng nhẹ lên 4,3%. NĐT cũng sẽ theo dõi chỉ số PMI sản xuất và dịch vụ, khảo sát việc làm JOLTS, báo cáo việc làm của ADP và KQKD của các công ty lớn bao gồm AMD. Tại châu Âu, tâm điểm sẽ là giá trị sản lượng công nghiệp và số liệu thương mại của Đức, doanh số bán lẻ khu vực Eurozone và chỉ số PMI tháng 7, cùng với KQKD của HSBC, BP và Siemens Energy.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Các số liệu kinh tế vĩ mô quan trọng

Các số liệu kinh tế vĩ mô chính công bố trong tuần của Mỹ, EU, châu Á và Việt Nam

	Sự kiện	Trước	Thực tế	Dự báo
3-8-26	Việt Nam: PMI sản xuất (T7-26)	51.8		52.0
	Trung Quốc: PMI sản xuất (T7-26)	51.7		52.0
	EU: PMI sản xuất (T7-26, chính thức)	51.4		52.0
	Mỹ: PMI sản xuất (T7-26, chính thức)	53.9		53.8
	Việt Nam: KNXK (T7-26, y/y %)	28.1		15.6
	Việt Nam: KNNK (T7-26, y/y %)	45.2		16.8
	Việt Nam: Cán cân thương mại (T7-26, USD)	-2.26 tỷ		2.3 tỷ
	Việt Nam: CPI (T7-26, y/y %)	4.69		4.66
	Việt Nam: Doanh số bán lẻ (T7-26, y/y %)	14.8		13.0
	Việt Nam: Giá trị sản xuất công nghiệp (T7-26, y/y %)	12.7		12.0
5-8-26	Trung Quốc: PMI dịch vụ (T7-26)	54.1		53.7
	EU: PMI dịch vụ (T7-26, chính thức)	49.4		51.6
	Mỹ: PMI dịch vụ (T7-26, chính thức)	51.2		53.6
7-8-26	Trung Quốc: Cán cân thương mại (T7-26, USD)	125.6 tỷ		112.5 tỷ
	Trung Quốc: KNXK (T7-26, y/y %)	27.0		18.2
	Trung Quốc: KNNK (T7-26, y/y %)	36.0		24.0
	Mỹ: Số lượng việc làm phi nông nghiệp (T7-26)	57,000		91,000
	Mỹ: Tỷ lệ thất nghiệp (T7-26, %)	4.2		4.3
9-8-26	Mỹ: Thu nhập bình quân (T7-26, m/m %)	0.3		0.3
	Trung Quốc: Tỷ lệ lạm phát (T7-26, y/y %)	1.0		

Nguồn: Investing.com, tradingeconomics.com, HSC

Trung Quốc và châu Á

Tại Trung Quốc, NĐT sẽ theo dõi chỉ số PMI tư nhân tháng 7, số liệu thương mại và lạm phát, trong đó thặng dư thương mại được dự báo thu hẹp xuống 112,5 tỷ USD. Tại các khu vực khác ở châu Á, tâm điểm sẽ chuyển sang tăng trưởng tiền lương của Nhật Bản và biên bản cuộc họp của BoJ, trong khi Ngân hàng Dự trữ Ấn Độ (RBI) được dự báo sẽ giữ nguyên lãi suất điều hành ở mức 5,25%. Chỉ số PMI, lạm phát và số liệu thương mại trên toàn khu vực châu Á, cùng với cuộc họp OPEC+ về hạn ngạch sản xuất dầu, cũng sẽ được theo dõi chặt chẽ.

Việt Nam

Số liệu kinh tế Việt Nam tháng 7

Hoạt động thương mại

Chúng tôi dự báo [KNXXK và KNNK](#) tăng lần lượt 15,6% và 16,8% so với cùng kỳ trong tháng 7 dựa trên những tín hiệu tích cực từ chỉ số PMI của Việt Nam.

Lạm phát

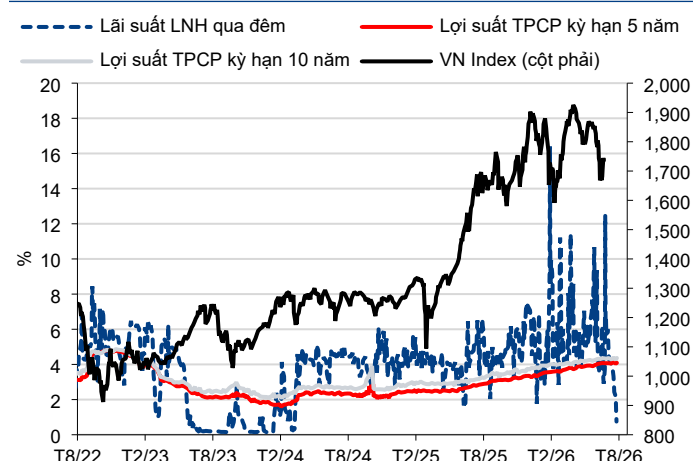
Chúng tôi dự báo CPI tháng 7 [hạ nhiệt xuống 4,66% so với cùng kỳ](#), nhờ đóng góp giảm từ giỏ thực phẩm và nhà ở. Tuy nhiên, căng thẳng Trung Đông tái diễn và việc áp dụng trở lại thuế tiêu thụ đặc biệt nhiều khả năng sẽ làm tăng lạm phát nhóm giao thông trong tháng 7.

Cập nhật hàng tuần xu hướng thị trường chứng khoán và biến động tỷ giá

HSC cập nhật xu hướng thị trường tiền tệ, chứng khoán và biến động tỷ giá trong Biểu đồ 2 và 3. Chỉ số VNIndex tăng 2,9% so với tuần trước lên 1.735,78 điểm, kết thúc 4 tuần giảm điểm liên tiếp. Trong khi đó, tỷ giá USD/VND (niêm yết tại Vietcombank) giảm nhẹ 0,08% so với tuần trước xuống 26.285, chấm dứt 2 tuần mất giá của đồng VND trong bối cảnh lãi suất cho vay qua đêm LNH giảm xuống dưới 1%, mức thấp nhất kể từ tháng 3/2024.

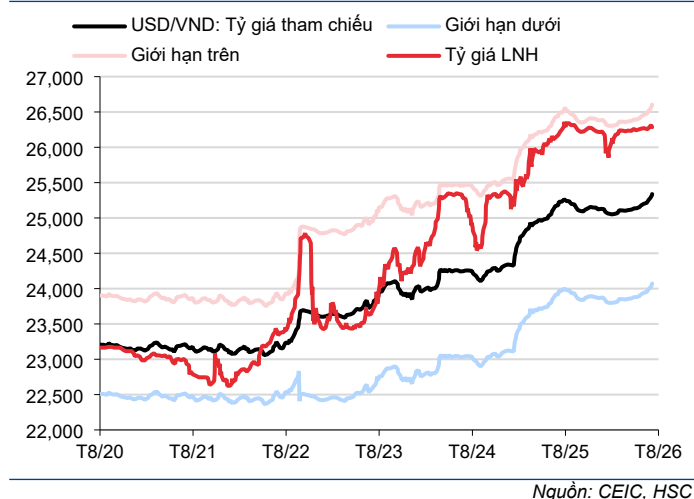
Biểu đồ 2: Lãi suất & diễn biến TT chứng khoán hàng tuần

Chỉ số VNIndex tăng 2,9% so với tuần trước lên 1.735,78 điểm



Biểu đồ 3: Biến động tỷ giá USD/VND hàng tuần

Tỷ giá USD/VND (niêm yết tại VCB) giảm nhẹ 0,076% so với tuần trước



Bảng 4: Dữ liệu kinh tế vĩ mô thực tế & dự báo của HSC

	2020	2021	2022	2023	2024	2025E	2026F	2027F	2028F
Tỷ giá									
Tỷ giá (VND: USD) (cuối năm)	23,085	22,765	23,555	24,265	25,480	26,300	27,000	27,500	27,800
Tỷ giá (VND: CNY)	3,535	3,579	3,415	3,418	3,491	3,761	4,060	4,167	4,212
GDP và việc làm									
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	2.87	2.55	8.54	4.98	7.04	8.02	8.50	8.00	8.00
GDP (tỷ USD)	346	370	411	433	476	514	545	576	621
GDP bình quân đầu người (USD)	3,558	3,757	4,132	4,316	4,702	5,026	5,279	5,537	5,910
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	4.35	-2.20	0.34	5.96	6.41	6.38	-0.92	0.35	0.48
Nợ công/GDP (%)	43.5	44.2	37.0	36.5	37.0	36.8	37.3	39.0	40.6
Nợ Chính phủ/GDP (%)	38.3	39.2	34.7	32.9	33.0	33.2	34.1	36.1	37.9
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.7	2.5	3.0	2.8	2.8	3.6	4.2	5.1	5.2
Tổng dư nợ tín dụng / GDP	114	123	124	131	136	145	148	153	157
FDI giải ngân / FDI (%)	5.8	5.3	5.4	5.4	5.3	5.4	5.5	5.5	5.6
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.37	3.56	2.32	2.26	2.22	2.22	2.60	2.50	2.50
Giá cả									
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	3.2	1.8	3.1	3.3	3.6	3.3	4.7	4.2	4.1
CPI, cuối năm (% so với cùng kỳ)	0.2	1.8	4.5	3.6	2.9	3.5	5.1	4.5	4.3
Tiền tệ và lãi suất									
Lãi suất điều hành (%)	4.00	4.00	6.00	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)	0.2	0.7	4.4	0.5	4.0	1.8	4.0	4.0	4.0
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	12.2	13.6	14.2	13.8	15.1	19.0	14.0	13.5	13.0
Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng)	12,111	13,402	14,227	15,999	17,915	19,444	21,972	24,719	27,685
Cung tiền M2 (% so với cùng kỳ)	14.5	10.7	6.2	12.5	12.0	8.5	13.0	12.5	12.0
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	95	107	85	90	81	83	90	95	100
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	5.6	5.5	7.4	4.8	4.6	5.2	5.9	6.0	6.0
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %)	4.0	4.0	6.0	4.75	4.75	4.75	4.75	4.75	4.75
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	1.2	1.0	4.6	1.9	2.4	3.3	4.2	4.3	4.4
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	2.0	2.9	4.8	2.2	2.8	3.8	4.4	4.5	4.6
Thương mại và kinh tế đối ngoại									
Cán cân thương mại (tỷ USD)	19.9	3.3	12.1	28.4	24.9	20.0	2.2	5.2	7.1
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	15.1	-8.1	1.4	25.8	30.5	32.8	-5.0	2.0	3.0
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	263	333	360	326	381	455	556	612	699
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	3.7	26.7	8.0	-9.2	16.7	19.4	22.2	10.0	14.3
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	283	336	372	355	406	475	558	617	706
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	6.9	18.9	10.6	-4.6	14.4	17.0	17.5	10.5	14.5
Nợ nước ngoài (tỷ USD)	129	140	149	142	155	169	179	189	205
Nợ nước ngoài/GDP (%)	37.3	37.7	36.2	32.7	32.6	32.8	32.8	32.8	33.0
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	20.0	19.7	22.4	23.2	25.4	27.6	30.0	31.9	34.5
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	28.5	31.2	27.7	39.4	38.2	38.4	40.8	45.0	48.0
Kinh doanh & Tiêu dùng									
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	51.7	52.5	46.4	48.9	49.8	53.8	50.0	51.0	51.0
Chỉ số sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	9.5	8.7	0.2	5.8	8.8	10.1	10.5	8.0	9.0
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	13.1	10.9	0.6	7.6	10.2	10.9	11.0	9.0	10.0
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo hàng năm (%)	4.9	6.0	8.0	3.6	9.8	10.5	11.0	9.5	10.0
Doanh số bán lẻ danh nghĩa hàng năm (%)	-0.9	-9.1	19.8	9.4	9.0	9.2	12.0	13.0	13.0

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân.

$$\text{Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm } t_0 = [(1 + \text{lạm phát y/y tại thời điểm } t-11) \times \dots \times (1 + \text{lạm phát y/y tại thời điểm } t_0)]^{1/12} - 1$$

 Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn